

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nghệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thường và bà Hồ Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Huyền, Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 159/2025/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh ngày 13/12/1991.

Số CC: 066191015726. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số D, đường V, khối V, phường T (trước đây là khối V, phường H, thành phố V), tỉnh Nghệ An

- Bị đơn: Anh Hồ Hữu Đ, sinh ngày 14/6/1989.

Số CC: 040089007633. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm F, xã Q (trước đây là xóm F, xã B, huyện Q), tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/5/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hồ Hữu Đ kết hôn tự nguyện vào ngày 04/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố V, (nay là UBND phường V), tỉnh Nghệ An. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 01/2025 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2025 đến nay, chị đã bỏ về nhà bố

mẹ đẻ ở thành phố V sinh sống. Trong thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy vợ chồng đã không còn tình cảm, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hồ Hữu Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Đ có 01 con chung là Hồ Bùi Đan Q, sinh ngày 22/3/2018, hiện đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đ/tháng kể từ tháng 5/2025 cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/5/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Hồ Hữu Đ trình bày:

Anh và chị Bùi Thị T kết hôn tự nguyện vào ngày 04/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố V (nay là UBND phường V), tỉnh Nghệ An. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 01/2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng đã hết, đời sống chung không thể tiếp tục, anh cũng đồng ý ly hôn với chị Bùi Thị T.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Hồ Bùi Đan Q, sinh ngày 22/3/2018, hiện đang ở với chị T. Ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng kể từ tháng 5/2025 cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Hồ Bùi Đan Q có nguyện vọng được ở với mẹ.

Kết quả xác minh tại UBND xã B, huyện Q (nay là UBND xã Q), tỉnh Nghệ An cho biết: Chị Bùi Thị T, sinh ngày 13/12/1991 và anh Hồ Hữu Đ, sinh ngày 14/6/1989 không đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn anh Đ và chị T không thường xuyên sinh sống tại địa phương nên địa phương không nắm được thời gian, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng. Anh Đ và chị T có 01 con chung là Hồ Bùi Đan Q, sinh ngày 22/3/2018. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ, địa phương đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử và thư ký phiên toà đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS. Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS năm 2015.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 227, 228, 147 Bộ luật tố tụng dân

sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Đề nghị xử:

Về tình cảm: Cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Hồ Hữu Đ.

Về con chung: Giao con chung Hồ Bùi Đan Q, sinh ngày 22/3/2018 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) kể từ tháng 5/2025 đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Chị Bùi Thị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Hồ Hữu Đ, có nguyện vọng nuôi con chung, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Anh Hồ Hữu Đ có nơi thường trú tại xóm F, xã Q (trước đây là xóm F, xã B, huyện Q), tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hoà giải, đối thoại tại Toà án, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Nghệ An.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Bùi Thị T và bị đơn anh Hồ Hữu Đ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Hồ Hữu Đ là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng chung sống không hòa hợp, không có tiếng nói chung. Quá trình giải quyết vụ án, chị T đề nghị ly hôn, anh Đ cũng đồng ý chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị T được ly hôn với anh Đ.

[2.2]. Về tranh chấp nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị T đề nghị được tiếp tục nuôi con chung, anh Đ cũng đồng ý. Từ khi ly thân cho đến nay con chung đều ở với chị T, thể chất và tinh thần được phát triển bình thường. Cháu Hồ Bùi Đan Q cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó cần tiếp tục giao con

chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt của đứa trẻ, phù hợp với nguyện vọng của các bên đương sự, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án anh Đ đồng ý với yêu cầu đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung của chị T mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) từ tháng 5/2025 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành là phù hợp với khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, điều này thể hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con chung nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và anh Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định của pháp luật trong giải quyết các vụ việc hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Hồ Hữu Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Hồ Bùi Đan Q, sinh ngày 22/3/2018 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Hồ Hữu Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) kể từ tháng 5/2025 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Chị Bùi Thị T và anh Hồ Hữu Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0013489 ngày 12/5/2025 (nay là cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An).

Anh Hồ Hữu Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Bùi Thị T, bị đơn anh Hồ Hữu Đ có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 4;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND P.Vinh Lộc (ĐKKH tại xã Hưng Lộc số 49/2017);
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nghệ

